

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **615/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 06-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Hoàn Xanh

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hứa Duy H, sinh năm 1983 (có mặt)

HKTT: Số 41/10 đường D, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Bà Nguyễn Cao Thanh T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

HKTT: Số 16/34 (số mới 10A) đường N, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 20/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Hứa Duy H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Cao Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyền số 1/2007 ngày 07/11/2007.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông H là do do lối sống vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm về cách chăm sóc con cái, chi tiêu tiền bạc, bà T hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Ông H và bà T sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông H yêu cầu ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông H khai nhận, ông và bà T có hai con chung là Hứa Anh T, sinh ngày 14/02/2005 và Hứa Thiện N, sinh ngày 08/9/2008. Khi ly hôn ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H khai nhận, ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai nhận, ông và bà T không có nợ chung.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự cho bà Nguyễn Cao Thanh T nhưng phía bị đơn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình

thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hứa Duy H với bà Nguyễn Cao Thanh T. Giao cả hai con chung là Hứa Anh T, sinh ngày 14/02/2005 và Hứa Thiện N, sinh ngày 08/9/2008 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T do ông H không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyền số 1/2007 ngày 07/11/2007 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Hứa Duy H và bà Nguyễn Cao Thanh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà T có nơi cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận Tân Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bà Nguyễn Cao Thanh T: Do bà Nguyễn Cao Thanh T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Nguyễn Cao Thanh T.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Ông Hứa Duy H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Cao Thanh T:

Căn cứ lời khai của ông H xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T là có thật. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, mạnh ai nấy sống dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T vắng mặt thể hiện bà T không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, ông H và bà T đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, thể hiện tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông H yêu cầu được ly hôn với bà T là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Ông Hứa Duy H khai nhận ông và bà T có hai con chung là Hứa Anh T, sinh ngày 14/02/2005 và Hứa Thiện N, sinh ngày 08/9/2008. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là pH dựa vào quyền lợi của trẻ. Từ trước đến nay, cháu Hứa Anh T và Hứa Thiện N đều do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa, trong bản tự khai các cháu Anh T và Thiện N đều có nguyện vọng sống với ba nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, xét thấy việc ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hứa Anh T và Hứa Thiện N là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của các cháu và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận việc ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T.

[4]. *Về quan hệ tài sản*:

- Về tài sản chung: Ông H khai, ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H khai, ông và bà T không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hứa Duy H:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hứa Duy H được ly hôn với bà Nguyễn Cao Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyền số 1/2007 ngày 07/11/2007 do Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Hứa Duy H và bà Nguyễn Cao Thanh T hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao cả hai con chung là Hứa Anh T, sinh ngày 14/02/2005 và Hứa Thiện N, sinh ngày 08/9/2008 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T do ông H không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Bà T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Ông H khai nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông H khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2/ Về án phí:

Án phí ly hôn: Ông Hứa Duy H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông H và bà T đã nộp theo biên lai thu số 0012009 ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H phải nộp thêm 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Cao Thanh T 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai trên. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND P. T, quận Tân Phú
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh